

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 20/LĐTBOXH-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 1995

THÔNG TƯ
CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Hướng dẫn thực hiện Nghị định
số 07/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ về
đưa người lao động Việt Nam đi làm việc
có thời hạn ở nước ngoài

Căn cứ Nghị định số 07/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; Sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, Ngành liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng được phép đi làm việc ở nước ngoài

- Công nhân, viên chức và những người làm việc trong các doanh nghiệp Nhà nước (kể cả doanh nghiệp của Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ), các đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức đoàn thể xã hội;
- Những người đang làm việc ở các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các tổ chức của người nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp ở trong nước và nước ngoài chưa có việc làm;
- Lao động xã hội.

2. Đối tượng không thuộc diện đưa đi làm việc ở nước ngoài

- Công chức, viên chức đang làm việc ở các cơ quan hành chính Nhà nước từ Trung ương (bao gồm các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan của Chính phủ) đến địa phương (gồm ủy ban Nhân dân các cấp, các sở, phòng ban của ủy ban Nhân dân).

- b. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ tại ngũ trong lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân.
 - c. Những người chưa được phép xuất cảnh theo quy định tại phần A, Mục III, Thông tư số 02/BNV (A18) ngày 30 tháng 4 năm 1995 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 24/CP ngày 23 tháng 3 năm 1995 về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh.
3. Những nghề, khu vực không được đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài
- Nghiêm cấm các tổ chức kinh tế ký hợp đồng đưa người lao động Việt Nam làm các nghề hoặc đến làm việc ở các khu vực quy định trong phụ lục I kèm theo Thông tư này.

II. TUYỂN CHỌN LAO ĐỘNG

1. Tiêu chuẩn

Người lao động Việt Nam theo quy định tại điểm 1, mục I, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a. Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên (tính đến ngày làm hồ sơ tuyển chọn);
- b. Có năng lực pháp lý và năng lực hành vi, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ công dân theo pháp luật, tự nguyện đi làm việc ở nước ngoài.
- c. Có đủ sức khỏe, trình độ văn hoá, nghề nghiệp và ngoại ngữ theo yêu cầu của hợp đồng mà tổ chức kinh tế ký với bên nước ngoài.

2. Nguyên tắc tuyển chọn

- a. Tổ chức kinh tế được phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phải trực tiếp tổ chức tuyển chọn và tuyển đúng đối tượng có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, không được thông qua bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân trung gian nào.
- b. Khi tuyển chọn, tổ chức kinh tế phải thông báo công khai về tiêu chuẩn, yêu cầu về giới tính tuổi đời, công việc mà người lao động đảm nhiệm, nơi làm việc và thời hạn của hợp đồng, điều kiện làm việc và sinh hoạt, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- c. Nếu tuyển chọn lao động ở các đơn vị hoặc địa phương khác thì Tổ chức kinh tế phải xuất trình giấy phép khi làm việc với đơn vị đó hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- d. Tổ chức kinh tế có hợp đồng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phải ưu tiên tuyển chọn các đối tượng sau: con liệt sĩ, con thương binh, con của gia đình có công với cách mạng,

bộ đội đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự (đặc biệt ở Trường Sa), thanh niên xung phong đã hoàn thành nghĩa vụ.

e. Trước khi đưa đi, tổ chức kinh tế phải: - Ký kết hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với người lao động. Hợp đồng được ký kết theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện và phải nêu rõ các nội dung sau: Thời hạn hợp đồng và nơi làm việc; công việc đảm nhiệm, thời gian làm việc và nghỉ ngơi; điều kiện làm việc và sinh hoạt; quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi bên và các quy định khác do hai bên thoả thuận.

Tập huấn cho người lao động về pháp luật của Việt Nam và pháp luật của nước sở tại, quyền lợi và nghĩa vụ của họ theo hợp đồng đã ký kết, giáo dục ý thức chấp hành nghiêm chỉnh các điều khoản của hợp đồng, cam kết của bản thân và kỷ luật lao động; về khó khăn, thuận lợi khi đến làm việc ở nước ngoài, về phong tục tập quán của nước sở tại.

3. Hồ sơ tuyển chọn bao gồm:

- a. Đơn tự nguyện xin đi làm việc ở nước ngoài (có cam kết của bản thân và gia đình);
- b. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương (phường, xã) nơi cư trú hoặc đơn vị người lao động đang làm việc;
- c. Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe của cơ quan Y tế có thẩm quyền (do Bộ Y tế quy định)
- d. Các giấy tờ cần thiết khác theo yêu cầu của hợp đồng.

III. THỦ TỤC CẤP PHÉP

1. Giấy phép hoạt động

a. Giấy phép hoạt động về đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (gọi tắt là giấy phép hoạt động) được cấp cho Tổ chức kinh tế để thực hiện chức năng cung ứng lao động cho nước ngoài. Giấy phép hoạt động có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp và sẽ bị thu hồi nếu trong một năm kể từ ngày cấp, đơn vị không thực hiện được một hợp đồng nào đáng kể.

b. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động: Các Tổ chức kinh tế muốn được cấp giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài phải có đủ các điều kiện sau:

Là doanh nghiệp Nhà nước đã được thành lập lại theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Có vốn lưu động từ một tỷ đồng Việt Nam trở lên tại thời điểm xin cấp phép.

Bộ máy và đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng cung ứng lao động cho nước ngoài phải có năng lực quản lý; có ít nhất hai phần ba cán bộ lãnh đạo và năm mươi phần trăm cán bộ nghiệp vụ tốt nghiệp Đại học; có cán bộ thông thạo ngoại ngữ nhất là tiếng Anh.

Am hiểu thị trường lao động, pháp luật lao động, luật nhập cư của nước nhận lao động và pháp luật Quốc tế có liên quan.

c. Quy trình cấp giấy phép hoạt động:

Hồ sơ xin cấp giấy phép nộp cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bao gồm:

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động có ý kiến xác nhận của Thủ trưởng Bộ hoặc địa phương (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) theo mẫu số 1 kèm Thông tư này.

Bản sao Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước có quy định chức năng, nhiệm vụ của Tổ chức kinh tế có công chứng hợp pháp.

Chứng nhận của cơ quan tài chính cấp ngành hoặc tỉnh về vốn lưu động từ một tỷ đồng trở lên.

Luận chứng kinh tế về khả năng hoạt động của Tổ chức kinh tế trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài có xác nhận của Thủ trưởng Bộ hoặc địa phương và có nội dung như sau: cơ sở, điều kiện vật chất và khả năng tài chính; trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện chức năng cung ứng cho nước ngoài; khả năng khai thác thị trường lao động ngoài nước việc sử dụng nguồn lao động; chỉ tiêu và hiệu quả kinh tế - xã hội, biện pháp quản lý lao động; việc bảo đảm lợi ích của Nhà nước, Tổ chức kinh tế và người lao động.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét và trả lời kết quả cấp giấy phép hoạt động cho Tổ chức kinh tế trong thời gian mười lăm ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Khi nhận giấy phép hoạt động, Tổ chức kinh tế phải nộp một khoản lệ phí tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính.

2. Giấy phép thực hiện hợp đồng

a. Giấy phép thực hiện hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (gọi tắt là giấy phép thực hiện hợp đồng) được cấp cho Tổ chức kinh tế có giấy phép hoạt động để thực hiện hợp đồng cung ứng lao động ký với bên nước ngoài. Giá trị của giấy phép thực hiện